

# XÁC ĐỊNH TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG NHU CẦU XÃ HỘI CỦA NGUỒN NHÂN LỰC CỬ NHÂN THỂ DỤC THỂ THAO CHUYÊN NGÀNH VÕ - QUYỀN ANH, TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO BẮC NINH

Lý Đức Trường<sup>(1)</sup>; Lý Văn Tuấn<sup>(2)</sup>

## Tóm tắt:

Trên cơ sở phân tích lý luận và thực tiễn các tác giả đã lựa chọn được 20 tiêu chí thuộc 03 nhóm đánh giá mức độ đáp ứng nhu cầu xã hội của nguồn nhân lực cử nhân TDTT chuyên ngành Võ – Quyền Anh, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh làm căn cứ đánh giá thực trạng mức độ đáp ứng nhu cầu xã hội của nguồn nhân lực chuyên ngành đào tạo tại Trường.

**Từ khóa:** Tiêu chí đánh giá, mức độ đáp ứng nhu cầu xã hội, cử nhân TDTT, chuyên ngành Võ – Quyền Anh, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh.

**Determining criteria to evaluate the level of meeting social needs of human resources for bachelor of physical education and sports majoring in Martial Arts - Boxing, Bac Ninh Sports University**

## Summary:

Based on theoretical and practical analysis, 20 criteria in 03 groups were selected to evaluate the level of meeting the social needs of human resources with a bachelor's degree in physical education majoring in Martial Arts - Boxing, Bac Ninh Sports University, as a basis for assessing the current status of the level of meeting social needs of human resources specialized in training at the School.

**Keywords:** Evaluation criteria, level of response, social needs, human resources, Bachelor of Sports and Physical Training, major in Martial Arts - Boxing, Bac Ninh Sports University.

## ĐẶT VẤN ĐỀ

Việc làm là một trong những nhu cầu cơ bản nhất của người lao động để bảo đảm cuộc sống và phát triển toàn diện. Trong nhiều năm gần đây, các cơ sở đào tạo trong cả nước đã không ngừng nghiên cứu và ứng dụng các giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực được đào tạo. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy chất lượng lao động qua đào tạo ở nước ta đang ở mức thấp trong khu vực nên cơ hội tìm và có việc làm sau khi tốt nghiệp là một thách thức to lớn của sinh viên.

Một trong số các biện pháp quan trọng trong đào tạo được nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu xã hội tại các cơ sở đào tạo là đánh giá đúng chất lượng nguồn nhân lực. Tuy nhiên, vấn đề này trong thực tế công tác đào tạo cử nhân TDTT chuyên ngành Võ – Quyền Anh tại Trường Đại học TDTT Bắc Ninh lại chưa được quan tâm đúng mức, thậm chí chưa có tiêu chí phù hợp để đánh giá thực trạng chất lượng

nguồn nhân lực sau đào tạo cũng như mức độ đáp ứng nhu cầu xã hội của nguồn nhân lực. Chính vì vậy, việc nghiên cứu xây dựng tiêu chí đánh giá mức độ đáp ứng nhu cầu xã hội của nguồn nhân lực cử nhân TDTT chuyên ngành Võ – Quyền anh tại Trường Đại học TDTT Bắc Ninh là cần thiết và cấp thiết, góp phần đánh giá chính xác chất lượng và mức độ đáp ứng nhu cầu của nguồn nhân lực, từ đó điều chỉnh quá trình đào tạo, tác động các giải pháp phù hợp, có hiệu quả để nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực tốt nghiệp tại Trường.

## PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Trong quá trình nghiên cứu chúng tôi đã sử dụng các phương pháp: Phân tích và tổng hợp tài liệu; Phương pháp quan sát sự phạm; Phương pháp phỏng vấn và phương pháp toán thống kê.

Thời điểm nghiên cứu: Tháng 6 đến tháng 12 năm 2021.

<sup>(1)</sup>TS, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

<sup>(2)</sup>ThS, Trường Đại học Kiến Trúc

## KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

### 1. Căn cứ xác định tiêu chí đánh giá mức độ đáp ứng nhu cầu xã hội của nguồn nhân lực cử nhân TDDT chuyên ngành Võ – Quyền Anh, Trường Đại học TDDT Bắc Ninh

Để xác định tiêu chí đánh giá chúng tôi sử dụng mô hình ASK – mô hình đánh giá năng lực nhân sự chuẩn quốc tế, trong đó, ASK (viết tắt của Attitude - Skill - Knowledge) là mô hình tiêu chuẩn nghề nghiệp được sử dụng phổ biến nhất trên thế giới. Từ những ý tưởng nền tảng của Benjamin Bloom (1956), hiện nay ASK đã được chuẩn hoá thành một mô hình đánh giá năng lực nhân sự đầy đủ, gồm 3 nhóm chính:

**Knowledge (Kiến thức):** Thuộc về năng lực tư duy, là hiểu biết mà cá nhân có được sau khi trải qua quá trình giáo dục - đào tạo, đọc hiểu, phân tích và ứng dụng. Ví dụ: kiến thức chuyên môn, trình độ ngoại ngữ,...

**Skill (Kỹ năng):** Thuộc về kỹ năng thao tác, là khả năng biến kiến thức có được thành hành động cụ thể, hành vi thực tế trong quá trình làm việc của cá nhân. Ví dụ: kỹ năng tạo ảnh hưởng, kỹ năng quản trị rủi ro,...

**Attitude (Phẩm chất / Thái độ):** Thuộc về phạm vi cảm xúc, tình cảm, là cách cá nhân tiếp nhận và phản ứng lại với thực tế, đồng thời thể hiện thái độ và động cơ với công việc. Ví dụ: trung thực, tinh thần khởi nghiệp - dẫn thân,...

Căn cứ vào thực tế công việc của cử nhân chuyên ngành Võ – Quyền Anh, Trường Đại học TDDT Bắc Ninh và các yêu cầu nghề nghiệp TDDT, chúng tôi xác định được 22 tiêu chí đánh giá mức độ đáp ứng nhu cầu xã hội về việc làm của đối tượng nghiên cứu thuộc 3 nhóm: Kiến thức, kỹ năng, thái độ. Cụ thể gồm:

#### **Nhóm tiêu chí về kiến thức (05 tiêu chí):**

Kiến thức nghiệp vụ sư phạm

Kiến thức lý thuyết về môn thể thao chuyên ngành

Kiến thức về kỹ thuật các môn thể thao chuyên ngành

Kiến thức về quản lý, điều hành, pháp luật và bảo vệ môi trường liên quan đến lĩnh vực GDTC

Kiến thức nền tảng về lĩnh vực TDDT và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn

#### **Nhóm tiêu chí về kỹ năng (11 tiêu chí):**

Kỹ năng thuyết trình

Kỹ năng sư phạm

Kỹ năng thực hành các môn thể thao trong chương trình đào tạo

Kỹ năng xây dựng kế hoạch tổ chức thi đấu và trọng tài các môn thể thao

Kỹ năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau

Kỹ năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ

Kỹ năng thu hút, giao tiếp xã hội và vận động người tập luyện

Kỹ năng làm việc nhóm

Kỹ năng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống chuyên môn thông thường

Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản

Kỹ năng đàm phán

**Nhóm các tiêu chí đánh giá về thái độ (06 tiêu chí):**

Tuân thủ chủ trương, pháp luật của Nhà nước và nội quy của đơn vị công tác

Tinh thần đoàn kết, thái độ thân thiện, hợp tác với đồng nghiệp và cá nhân trong và ngoài đơn vị

Tính độc lập, tự chủ và sáng tạo

Tác phong làm việc nghiêm túc, chuyên cần, đúng giờ

Trung thực, nhiệt tình trong công việc

Cẩn trọng trong công việc

Sau khi xác định được các nhóm tiêu chí và các tiêu chí, chúng tôi tiến hành xây dựng phiếu phỏng vấn lựa chọn tiêu chí đánh giá mức độ đáp ứng nhu cầu xã hội của nguồn nhân lực cử nhân TDDT chuyên ngành Võ – Quyền Anh Trường Đại học TDDT Bắc Ninh.

### 2. Lựa chọn tiêu chí đánh giá mức độ đáp ứng nhu cầu xã hội của nguồn nhân lực cử nhân TDDT chuyên ngành Võ – Quyền Anh, Trường Đại học TDDT Bắc Ninh

Để lựa chọn được những tiêu chí phù hợp nhất chúng tôi tiến hành phỏng vấn trên đối tượng 30 chuyên gia gồm: các chuyên gia người xây dựng chương trình đào tạo và sử dụng lao động chuyên ngành Võ – Quyền Anh của Trường trên cơ sở xác định tầm quan trọng của các tiêu chí, đồng thời kiểm định thang đo đã xây dựng bằng hệ số Cronbach's Alpha để đánh giá mức độ tin cậy của các tiêu chí.



**Xây dựng tiêu chí đánh giá mức độ đáp ứng nhu cầu xã hội của nguồn nhân lực cử nhân TDTT chuyên ngành Võ – Quyền anh tại Trường Đại học TDTT Bắc Ninh là cần thiết góp phần đánh giá chính xác chất lượng và mức độ đáp ứng nhu cầu của nguồn nhân lực**

Cách trả lời phỏng vấn cụ thể theo 5 mức: Rất đồng ý: 5 điểm; Đồng ý: 4 điểm; Bình thường: 3 điểm; Không đồng ý: 2 điểm và Rất không đồng ý: 1 điểm.

Chúng tôi sẽ lựa chọn những tiêu chí đạt từ 80% tổng điểm tối đa để đánh giá mức độ đáp ứng nhu cầu xã hội của nguồn nhân lực cử nhân TDTT chuyên ngành Võ – Quyền Anh Trường Đại học TDTT Bắc Ninh. Kết quả phỏng vấn được trình bày tại bảng 1.

Qua bảng 1 cho thấy: Theo nguyên tắc phỏng vấn đặt ra, đã lựa chọn được 20 tiêu chí có tổng điểm phỏng vấn từ 80% trở lên để đánh giá mức độ đáp ứng nhu cầu xã hội của nguồn nhân lực cử nhân TDTT chuyên ngành Võ – Quyền Anh Trường Đại học TDTT Bắc Ninh, thỏa mãn yêu cầu phỏng vấn đặt ra gồm:

Nhóm tiêu chí đánh giá kiến thức: từ TC1 tới TC5

Nhóm tiêu chí đánh giá kỹ năng: Từ TC6 tới TC15

Nhóm tiêu chí đánh giá thái độ: Từ TC17 tới TC21

02 tiêu chí còn lại (TC 16, 22) vì có tổng

điểm phỏng vấn nhỏ hơn 80% tổng điểm tối đa nên bị loại.

Song song với việc thống kê kết quả phỏng vấn lựa chọn theo tổng điểm tối đa, chúng tôi tiến hành xác định tính tương quan nội tại của phiếu hỏi bằng hệ số Cronbach's Alpha. Theo quy ước của De Vellis (1991) thì một tập hợp các mục hỏi dùng để đo lường được đánh giá tốt phải có hệ số  $\alpha$  của Cronbach  $\geq 0.8$  và chỉ số tương quan tổng giữa các mục hỏi (Corrected Item – Total Correlation) phải  $>0.3$ . Các mức giá trị của Alpha: lớn hơn 0,8 là thang đo lường tốt; từ 0,7 đến 0,8 là sử dụng được; từ 0,6 trở lên là có thể sử dụng trong trường hợp khái niệm nghiên cứu là mới hoặc là mới trong bối cảnh nghiên cứu (Nunally, 1978; Peterson, 1994; Slater, 1995; dẫn theo Hoàng Trọng và Nguyễn Mộng Ngọc, 2005). Chính vì vậy, trong quá trình nghiên cứu, nếu hệ số Cronbach's Alpha  $<0.80$  hoặc hệ số tương quan của biến thành phần với biến tổng  $<0.30$ , chúng tôi sẽ tiến hành loại biến rác và kiểm tra lại hệ số Cronbach's Alpha tổng sau khi loại biến.

**Bảng 1. Kết quả phỏng vấn lựa chọn tiêu chí đánh giá mức độ đáp ứng nhu cầu xã hội của nguồn nhân lực cử nhân TDTT chuyên ngành Võ – Quyền Anh Trường Đại học TDTT Bắc Ninh (n=30)**

TT	Tiêu chí	Kết quả	
		Tổng điểm	%
<b>Nhóm tiêu chí về kiến thức</b>			
1	TC1. Kiến thức nghiệp vụ sư phạm	128	85.33
2	TC2. Kiến thức lý thuyết về môn thể thao chuyên ngành	136	90.67
3	TC3. Kiến thức về kỹ thuật các môn thể thao chuyên ngành	137	91.33
4	TC4. Kiến thức về quản lý, điều hành, pháp luật và bảo vệ môi trường liên quan đến lĩnh vực GDTC	135	90.00
5	TC5. Kiến thức nền tảng về lĩnh vực TDTT và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn	143	95.33
<b>Nhóm tiêu chí về kỹ năng</b>			
6	TC6. Kỹ năng thuyết trình	137	91.33
7	TC7. Kỹ năng sư phạm	134	89.33
8	TC8. Kỹ năng thực hành các môn thể thao trong chương trình đào tạo	131	87.33
9	TC9. Kỹ năng xây dựng kế hoạch tổ chức thi đấu và trọng tài các môn thể thao	128	85.33
10	TC10. Kỹ năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau	141	94.00
11	TC11. Kỹ năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ	131	87.33
12	TC12. Kỹ năng thu hút, giao tiếp xã hội và vận động người tập luyện	132	88.00
13	TC13. Kỹ năng làm việc nhóm	127	84.67
14	TC14. Kỹ năng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống chuyên môn thông thường	129	86.00
15	TC15. Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản	143	95.33
16	TC16. Kỹ năng đàm phán	109	72.67
<b>Nhóm tiêu chí về thái độ</b>			
17	TC17. Tuân thủ chủ trương, pháp luật của Nhà nước và nội quy của đơn vị công tác	136	90.67
18	TC18. Tinh thần đoàn kết, thái độ thân thiện, hợp tác với đồng nghiệp và cá nhân trong và ngoài đơn vị	134	89.33
19	TC19. Tính độc lập, tự chủ và sáng tạo	138	92.00
20	TC20. Tác phong làm việc nghiêm túc, chuyên cần, đúng giờ	135	90.00
21	TC21. Trung thực, nhiệt tình trong công việc	129	86.00
22	TC22. Chăm trọng trong công việc	115	76.67



**Bảng 2. Kết quả kiểm định mức độ tin cậy của các tiêu chí đánh giá mức độ đáp ứng nhu cầu xã hội của nguồn nhân lực cử nhân TDDT chuyên ngành Võ – Quyền Anh Trường Đại học TDDT Bắc Ninh (n=30)**

Cronback's Alpha		Số lượng mục (n)		
<b>0.862</b>		22		
<b>Item-Total Statistics</b>				
Biến quan sát	Trung bình thang đo nếu loại biến	Phương sai thang đo nếu loại biến	Tương quan tổng thể	Cronbach's Alpha nếu loại biến
TC1	48.88	125,418	0.606	0.851
TC2	48.71	130,303	0.43	0.861
TC3	48.92	130,428	0.493	0.864
TC4	48.79	125,042	0.656	0.849
TC5	48.5	121,304	0.718	0.846
TC6	48.58	125,297	0.54	0.853
TC7	48.54	127,650	0.416	0.858
TC8	48.13	130,027	0.4	0.858
TC9	49.5	135,478	0.403	0.859
TC10	48.38	131,201	0.487	0.858
TC11	48.46	140,955	0.418	0.859
TC12	48.08	132,949	0.442	0.857
TC13	48.54	126,955	0.556	0.853
TC14	48.46	127,737	0.518	0.854
TC15	48.5	130,348	0.406	0.858
TC16	48.88	134,636	0.277	0.862
TC17	48.29	127,694	0.414	0.858
TC18	49.17	128,754	0.544	0.853
TC19	48.58	120,167	0.721	0.845
TC20	48.46	126,694	0.563	0.852
TC21	48.54	132,433	0.477	0.859
TC22	48.38	139,462	0.051	0.868

Kết quả kiểm tra độ tin cậy của phiếu được trình bày tại bảng 2.

Qua bảng 2 cho thấy: Kết quả kiểm định mức độ tin cậy của các tiêu chí bằng hệ số Cronbach's Alpha cho thấy có 2 tiêu chí có mối tương quan với biến tổng <0.30 gồm có TC16 và TC22. Chúng tôi tiến hành loại 2 biến này khỏi các nhóm tiêu chuẩn đánh giá và tính lại hệ số Cronbach's Alpha sau khi loại biến. Kết quả được trình bày tại bảng 3.

Qua bảng 3 cho thấy: Sau khi loại 2 tiêu chí có tương quan với biến tổng <0.30, 20 biến còn

lại hoàn toàn đáng tin cậy trong đánh giá mức độ đáp ứng nhu cầu xã hội của nguồn nhân lực cử nhân TDDT chuyên ngành Võ – Quyền Anh Trường Đại học TDDT Bắc Ninh thể hiện ở hệ số Cronbach's Alpha tổng = 0.880 > 0.60 theo quy định và hệ số tương quan của các biến thành phần với biến tổng đạt từ 0.403 tới 0.749 > 0.30 và nhỏ hơn hệ số Cronbach's Alpha tổng. Như vậy, các tiêu chí trên phù hợp để đánh giá mức độ đáp ứng nhu cầu xã hội của nguồn nhân lực cử nhân TDDT chuyên ngành Võ – Quyền Anh Trường Đại học TDDT Bắc Ninh.

**Bảng 3. Kết quả kiểm định mức độ tin cậy của các tiêu chí đánh giá mức độ tin cậy của các tiêu chí đánh giá mức độ đáp ứng nhu cầu xã hội của nguồn nhân lực cử nhân TDTT chuyên ngành Võ – Quyền Anh Trường Đại học TDTT Bắc Ninh (sau khi loại 02 tiêu chí)**

Cronback's Alpha			Số lượng mục (n)	
0.88			20	
Kết quả thống kê				
Biến quan sát	Trung bình thang đo nếu loại biến	Phương sai thang đo nếu loại biến	Tương quan tổng thể	Cronbach's Alpha nếu loại biến
TC1	39.83	108,928	0.589	0.87
TC2	39.67	112,667	0.446	0.88
TC4	39.08	113,297	0.479	0.878
TC5	39.75	107,152	0.709	0.866
TC6	39.46	105,737	0.674	0.867
TC7	39.54	108,346	0.544	0.872
TC8	39.67	112,667	0.446	0.88
TC9	39.5	109,391	0.463	0.876
TC10	40.46	118,694	0.445	0.879
TC11	39.25	110,283	0.428	0.877
TC12	39.33	111,971	0.482	0.874
TC13	39.04	116,216	0.403	0.877
TC14	39.5	109,130	0.597	0.87
TC15	39.42	111,036	0.503	0.874
TC17	39.46	113,216	0.403	0.877
TC18	39.42	110,514	0.527	0.873
TC19	39.25	110,283	0.428	0.877
TC20	40.13	110,114	0.626	0.87
TC21	39.54	103,042	0.749	0.863

**KẾT LUẬN**

Quá trình nghiên cứu lựa chọn được 20 tiêu chí đủ tiêu chuẩn thuộc 03 nhóm tiêu chí đánh giá mức độ đáp ứng nhu cầu xã hội của nguồn nhân lực cử nhân TDTT chuyên ngành Võ – Quyền Anh, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh, làm căn cứ đánh giá thực trạng mức độ đáp ứng nhu cầu xã hội của nguồn nhân lực chuyên ngành đào tạo tại Trường.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Ban Chấp hành TW Đảng (2012), *Đề án Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã*

*hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, Kết luận số 51-KL/TW ngày 29 tháng 10 năm 2012.*

2. Chính phủ (2011), *Quyết định số 1216/QĐ-TTg ngày 22/7/2011 Phê duyệt Quy hoạch phát triển nhân lực Việt Nam giai đoạn 2011-2020.*

3. Lư Quang Hiệp (2013), “Thực trạng và nhu cầu nguồn nhân lực thể thao đến năm 2020 các tỉnh phía Bắc”, *Đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.*

4. Đặng Quốc Nam (2011), “Nghiên cứu đánh giá chất lượng đội ngũ cán bộ TDTT khu vực Miền Trung – Tây Nguyên”, *Đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.*

## LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN THỂ DỤC THỂ THAO

### 4. Trương Quốc Uyên

Bác Hồ vinh danh những vận động viên Việt Nam và nước ngoài trên đấu trường thể thao quốc tế

### 6. Trương Anh Tuấn; Nguyễn Tôn Hoài

Thể dục thể thao Việt Nam trong năm đầu thành lập nước

## BÀI BÁO KHOA HỌC

### 9. Nguyễn Văn Phúc

Giải pháp chuẩn bị các điều kiện triển khai mô hình quản trị giảm thiểu rủi ro trong hoạt động thể dục thể thao ở Việt Nam

### 13. Đỗ Hữu Trường; Nguyễn Thị Thảo Mai

Đánh giá thực trạng phát triển thể thao mạo hiểm tại vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ

### 19. Nguyễn Văn Hòa

Giải pháp giảm thiểu rủi ro trong quản lý đào tạo liên kết Giáo dục quốc phòng và an ninh tại Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh, Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

### 23. Mai Thị Bích Ngọc; Nguyễn Thị Thu Quyết

Đề xuất giải pháp hoàn thiện cơ chế chính sách phát triển thể thao mạo hiểm vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ

### 29. Đồng Hương Lan; Phạm Đức Ngọc

Thực trạng công tác Giáo dục thể chất tại Trường Đại học Y Hà Nội

### 34. Lý Đức Trường; Lý Văn Tuấn

Xác định tiêu chí đánh giá mức độ đáp ứng nhu cầu xã hội của nguồn nhân lực cử nhân thể dục thể thao chuyên ngành Võ – Quyền anh, Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

### 40. Nguyễn Xuân Hùng; Bùi Trọng Thủy

Thực trạng trình độ thể lực của học sinh khối 10 Trường Trung học phổ thông Võ Văn Kiệt, Huyện Sông Hinh, tỉnh Phúc Yên

### 43. Trương Thị Hồng Tuyên

Lựa chọn và ứng dụng bài tập bổ trợ trong giảng dạy kỹ thuật nhảy xa uốn thân cho sinh viên chuyên ngành Giáo dục thể chất Trường Đại học sư phạm Hà Nội

### 49. Trần Thùy Linh

Thực trạng công tác Giáo dục thể chất cho học sinh khối 11 Trường Trung học phổ thông Nguyễn Khuyến, Thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

### 54. Đỗ Mạnh Dũng

Thực trạng công tác Giáo dục thể chất tại Trường Đại học Dược Hà Nội

### 61. Nguyễn Thu Nga; Kiều Hoài Nam

Biện pháp nâng cao thể lực chung cho sinh viên năm thứ nhất Trường Đại học Công nghiệp Việt Hưng, Sơn Tây, Hà Nội

### 66. Võ Nhật Thanh; Nguyễn Thị Việt Nga

Sự phát triển sức mạnh tốc độ của nam vận động viên Đội tuyển trẻ Boxing lứa tuổi 13-16 thành phố Hồ Chí Minh sau 1 chu kỳ huấn luyện

### 70. Bùi Danh Tuyên

Ứng dụng bài tập nâng cao hiệu quả đập bóng tấn công vị trí số 4 và số 2 cho nam sinh viên Đội tuyển Bóng chuyền, Trường Đại học Công nghệ Đông Á

## TIN TỨC - SỰ KIỆN VÀ NHÂN VẬT

### 74. Lê Thị Tuyết Thương

Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh tổ chức thành công Hội nghị khoa học Sinh viên năm 2024

### 77. Phạm Hoài Phương; Phạm Việt Hà

Bài tập thể dục cải thiện tư thế lưng

### 80. Thể lệ viết và gửi bài.

## **THEORY AND PRACTICE OF SPORTS**

### **4. Truong Quoc Uyen**

Uncle Ho honored Vietnamese and foreign athletes in the international sports arena

### **6. Truong Anh Tuan; Nguyen Ton Hoai**

Vietnamese sports in the first year of the country's establishment

## **ARTICLES**

### **9. Nguyen Van Phuc**

Solutions to prepare conditions for implementing a risk mitigation model in sports activities in Vietnam

### **13. Do Huu Truong; Nguyen Thi Thao Mai**

Assessing the current status of adventure sports development in the Northern Midlands and Mountains region

### **19. Nguyen Van Hoa**

Solutions to minimize risks in training management linking defense and security education at the Center for National Defense and Security Education, Bac Ninh Sports University

### **23. Mai Thi Bich Ngoc; Nguyen Thi Thu Quyet**

Proposing solutions to improve policy mechanisms in the development of adventure sports in the Northern Midlands and Mountainous region

### **29. Dong Huong Lan; Pham Duc Ngoc**

Current status of physical education at Hanoi Medical University

### **34. Ly Duc Truong; Ly Van Tuan**

Determining criteria to evaluate the level of meeting social needs of human resources for bachelor of physical education and sports majoring in Martial Arts - Boxing, Bac Ninh Sports University

### **40. Nguyen Xuan Hung; Bui Trong Thuy**

Current status of physical fitness level of 10th grade students at Vo Van Kiet High School, Song Dinh District, Phuoc Yen Province

### **43. Truong Thi Hong Tuyen**

Selecting and applying supplementary exercises in teaching long jump techniques for students majoring in Physical Education at Hanoi National University of Education

### **49. Tran Thuy Linh**

Current status of physical education for grade 11 students at Nguyen Khuyen High School, Nam Dinh City, Nam Dinh Province

### **54. Do Manh Dung**

Current status of Physical Education work at Hanoi University of Pharmacy

### **61. Nguyen Thu Nga; Kieu Hoai Nam**

Measures to improve general physical fitness for first-year students at Viet Hung University of Industry, Son Tay, Hanoi

### **66. Vo Nhut Thanh; Nguyen Thi Viet Nga**

The development of strength and speed of male athletes of the Boxing Youth Team aged 13-16 in Ho Chi Minh City after 1 training cycle

### **70. Bui Danh Tuyen**

Application of exercises to improve the effectiveness of hitting the ball to attack positions No. 4 and No. 2 for male students of the Volleyball Team, East Asia University of Technology

## **NEWS - EVENTS AND PEOPLE**

### **74. Le Thi Tuyet Thuong**

Bac Ninh Sports University successfully organized the 2024 Student Scientific Conference

### **77. Pham Hoai Phuong; Pham Viet Ha**

Exercises improve back posture

### **80. Rules of writing and posting.**



**Tạp chí KHOA HỌC**

# **ĐÀO TẠO VÀ HUẤN LUYỆN THỂ THAO**

**JOURNAL OF SCIENTIFIC TRAINING AND SPORTS COACHING**

**Ministry of Culture, Sports and Tourism - Bac Ninh Sport University**

**Trường Đại học Thể dục Thể thao Bắc Ninh - Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch**

**ISSN 1859-4417**

**Số 2 -2024  
(81)**

